

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 776/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn, trA chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Thu T1**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn 04, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đắc T2**, sinh năm 1972; Địa chỉ: 40A Hẻm Trần Huy Liệu, Thôn 04, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Thu T1 trình bày: Bà và ông Nguyễn Đắc T2 tự nguyện tìm hiểu có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Biển Hồ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai vào ngày 28/12/1995. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Bà và ông T2 đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Nay chị thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết :

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Nguyễn Đắc T2.

Về nuôi con chung: Bà và ông T2 có 04 con chung là Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 23/11/1996 và Nguyễn Thảo Anh N, sinh ngày 07/7/2004, Nguyễn Ngọc Phương T3, sinh ngày 06/11/2012, Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 06/11/2012. Hiện nay cháu A và N đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T3 và V đang sống với bà nên sau khi ly hôn nguyện vọng của bà là được trực tiếp nuôi cháu T3 và V, không yêu cầu ông T2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đắc T2 mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: cho bà T1 được ly hôn với ông T2; Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Phương T3, sinh ngày 06/11/2012, Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 06/11/2012 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị Thu T1 yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đắc T2, sinh năm 1972; Địa chỉ: 40A hẻm Trần Huy Liệu, Thôn 04, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Đắc T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu T1 và bà Nguyễn Đắc T2 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà T1 và ông T2 có phát sinh mâu thuẫn nên bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T2. Ông T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải, xét xử

nhưng ông T2 không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với bà T1. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T1 và ông T2 không ai còn quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Thu T1 và ông Nguyễn Đắc T2.

[4] Về việc nuôi con: Bà T1 và ông T2 có 04 con chung là Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 23/11/1996 và Nguyễn Thảo A Nhi, sinh ngày 07/7/2004, Nguyễn Ngọc Phương Trang, sinh ngày 06/11/2012, Nguyễn Ngọc Phương Vi, sinh ngày 06/11/2012. Cháu A và cháu Nhi đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét bà T1 đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các cháu Trang và Vi có nguyện vọng được sống với bà. Do đó giao cho bà T1 trực tiếp nuôi con là Nguyễn Ngọc Phương Trang, sinh ngày 06/11/2012, Nguyễn Ngọc Phương Vi, sinh ngày 06/11/2012 cho đến khi cháu Vi và Trang đủ 18 tuổi và tự lập được là phù hợp.

Bà T1 không yêu cầu ông T2 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về T2 sản: Bà T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Thu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đắc T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu T1, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận bà Võ Thị Thu T1 ly hôn với ông Nguyễn Đắc T2.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương T3, sinh ngày 06/11/2012, Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 06/11/2012 cho bà Võ Thị Thu T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho cho đến khi con

thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Thu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000853 ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku. Ông Nguyễn Đắc T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (28/4/2025), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND xã Biển Hồ, TP Pleiku (GCNKH số 102, ngày 28/12/1995);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Loan Phương

